SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG

THỦ TỤC LẬP HỒ SƠ, XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Ngày 24/12/2021 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 120/2021/NĐ-CP Quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 (sau đây viết tắt là Nghị định số 120/2021/NĐ-CP).

Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang biên tập và giới thiệu các quy định của Nghị định số 120/2021/NĐ-CP về thủ tục lập hồ sơ, xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, như sau:

I. ĐỀ NGHỊ LẬP HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Điều 13 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP quy định về đề nghị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, như sau:

1. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với đối tượng: (1) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính và bị lập biên bản vi phạm hành chính tại lần vi phạm thứ ba trong thời hạn 06 tháng về một trong các hành vi gây rối trật tự công cộng, trộm cắp tài sản, đánh bạc, lừa đảo, đua xe trái phép; (2) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính và bị lập biên bản vi phạm hành chính tại lần vi phạm thứ ba trong thời hạn 06 tháng về một trong các hành vi xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, chiếm giữ trái phép tài sản, hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác, gây rối trật tự công cộng, trộm cắp tài sản, đánh bạc, lừa đảo, đua xe trái phép nhưng không phải là tội phạm; (3) Người từ đủ 14 tuổi trở lên đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính và bị lập biên bản vi phạm hành chính tại lần vi phạm thứ ba trong thời hạn 06 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; (4) Người từ đủ 18 tuổi trở lên đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính và bị lập biên bản vi phạm hành chính tại lần vi phạm thứ ba trong thời hạn 06 tháng về một trong các hành vi xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, chiếm giữ trái phép tài sản, hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác, gây rối trật tự công cộng, trộm cắp tài sản, đánh bạc, lừa đảo, đua xe trái phép, ngược đãi hoặc hành hạ ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con, cháu hoặc người

có công nuôi dưỡng mình nhưng không phải là tội phạm do Trưởng Công an cấp xã tự lập hoặc trên cơ sở đề nghị của những người sau đây:

a) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở;

b) Đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người vi phạm đang làm việc hoặc học tập;

c) Đại diện đơn vị dân cư ở cơ sở gồm: Tổ trưởng Tổ dân phố, Trưởng thôn, ấp, bản, buôn, làng, phum, sóc và các đơn vị tương đương.

2. Đề nghị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải được lập thành văn bản và gửi đến Trưởng Công an cấp xã. Người đề nghị phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin trong văn bản đề nghị.

3. Nội dung của văn bản đề nghị phải ghi rõ địa danh, ngày, tháng, năm; họ, tên và tên cơ quan, tổ chức của người đề nghị; họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú, nhân thân của người vi phạm; hành vi vi phạm, nơi thực hiện hành vi vi phạm, lý do đề nghị, tài liệu liên quan (nếu có); chữ ký của người đề nghị.

4. Xem xét, lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn:

a) Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm kiểm tra các thông tin về hành vi vi phạm và nhân thân người vi phạm.

Trường hợp người bị đề nghị là người chưa thành niên, thì tham khảo ý kiến của công chức văn hóa - xã hội chuyên trách theo dõi về lao động - thương binh và xã hội, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, cộng tác viên công tác xã hội hoặc cộng tác viên bảo vệ trẻ em (nếu có) và đại diện đơn vị dân cư ở cơ sở về đặc điểm và hoàn cảnh gia đình của người chưa thành niên;

b) Trưởng Công an cấp xã không chấp nhận đề nghị lập hồ sơ nếu văn bản đề nghị không đúng đối tượng hoặc sự việc đang trong quá trình hòa giải hoặc đã hòa giải thành theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

Trường hợp không chấp nhận đề nghị lập hồ sơ, thì Trưởng công an cấp xã có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến người đề nghị ngay sau khi hết thời hạn kiểm tra các thông tin về hành vi vi phạm và nhân thân người vi phạm (tối đa 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị);

c) Trường hợp chấp nhận đề nghị lập hồ sơ, Trường Công an cấp xã tiến hành các bước lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và thông báo bằng văn bản cho người đề nghị về việc chấp nhận lập hồ sơ đề nghị.

5. Trường hợp người vi phạm là người chưa thành niên, nếu xét thấy đủ điều kiện áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình, thì Trưởng Công an cấp xã lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình.

II. THẨM QUYỀN LẬP HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Điều 14 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP quy định về thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, như sau:

1. Trưởng Công an cấp xã nơi đối tượng sau cư trú, thực hiện hành vi vi phạm pháp luật lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn:

(a) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính và bị lập biên bản vi phạm hành chính tại lần vi phạm thứ ba trong thời hạn 06 tháng về một trong các hành vi gây rối trật tự công cộng, trộm cắp tài sản, đánh bạc, lừa đảo, đua xe trái phép;

(b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính và bị lập biên bản vi phạm hành chính tại lần vi phạm thứ ba trong thời hạn 06 tháng về một trong các hành vi xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, chiếm giữ trái phép tài sản, hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác, gây rối trật tự công cộng, trộm cắp tài sản, đánh bạc, lừa đảo, đua xe trái phép nhưng không phải là tội phạm;

(c) Người từ đủ 14 tuổi trở lên đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính và bị lập biên bản vi phạm hành chính tại lần vi phạm thứ ba trong thời hạn 06 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; (4) Người từ đủ 18 tuổi trở lên đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính và bị lập biên bản vi phạm hành chính tại lần vi phạm thứ ba trong thời hạn 06 tháng về một trong các hành vi xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, chiếm giữ trái phép tài sản, hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác, gây rối trật tự công cộng, trộm cắp tài sản, đánh bạc, lừa đảo, đua xe trái phép, ngược đãi hoặc hành hạ ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình nhưng không phải là tội phạm

3. Cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh đang thụ lý vụ việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với đối tượng do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu

trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

III. THU THẬP THÔNG TIN, TÀI LIỆU ĐỂ LẬP HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Điều 15 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP quy định về thu thập thông tin, tài liệu để lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, như sau:

1. Thông tin, tài liệu để lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm:

a) Thông tin, tài liệu về hành vi vi phạm;

b) Tài liệu về việc xác định độ tuổi;

c) Tài liệu về việc xác minh nơi cư trú;

d) Tài liệu về kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể hoặc kết quả xác định tình trạng nghiện đối;

đ) Thông tin và tài liệu khác có liên quan (nếu có).

2. Đối với người chưa thành niên, ngoài các thông tin, tài liệu nêu trên, Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm:

a) Thu thập thêm thông tin về hoàn cảnh gia đình, quan hệ bạn bè và hoàn cảnh dẫn đến vi phạm;

b) Lấy ý kiến nhận xét của nhà trường, cơ quan, tổ chức nơi người chưa thành niên đang học tập, làm việc (nếu có);

c) Lấy ý kiến của cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên, trừ trường hợp người chưa thành niên được chuyển đến cơ sở bảo trợ xã hội.

3. Người có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị có trách nhiệm thu thập các thông tin, tài liệu nêu trên. Thông tin thu thập được phải thể hiện bằng văn bản.

4. Công chức tư pháp - hộ tịch, công chức văn hóa - xã hội chuyên trách theo dõi về lao động - thương binh và xã hội, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, cộng tác viên công tác xã hội, cộng tác viên bảo vệ trẻ em (nếu có), cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên, nhà trường, cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu hoặc có ý kiến bằng văn bản theo đề nghị của cơ quan công an trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị.

IV. XÁC ĐỊNH ĐỘ TUỔI CỦA ĐỐI TƯỢNG BỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Điều 16 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP quy định về xác định độ tuổi của đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, như sau:

Người có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị có trách nhiệm xác định độ tuổi của đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật về hộ tịch. Việc xác định độ tuổi của đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải được thể hiện bằng văn bản.

V. XÁC MINH NƠI CƯ TRÚ VÀ CHUYỂN HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Điều 17 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP quy định về xác minh nơi cư trú và chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, như sau:

1. Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc, kể từ khi thụ lý hồ sơ, người có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị có trách nhiệm xác minh nơi cư trú của đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Đối với các địa bàn là vùng miền núi, hải đảo, vùng xa xôi, hẻo lánh mà việc đi lại gặp khó khăn thì thời hạn xác minh nơi cư trú có thể kéo dài hơn nhưng không được quá 10 ngày, kể từ khi thụ lý hồ sơ.

2. Người được xác định có nơi cư trú ổn định nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Là người hiện đang sinh sống tại nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú;

b) Trường hợp không xác định được nơi đăng ký thường trú, tạm trú thì nơi cư trú ổn định là nơi ở hiện tại của đối tượng được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Cư trú và có thời gian thường xuyên sinh sống từ 30 ngày trở lên, có xác nhận của Trưởng Công an cấp xã.

3. Người được xác định không có nơi cư trú ổn định nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Là người có đăng ký thường trú hoặc tạm trú nhưng không sinh sống tại nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú, có xác nhận của Trưởng Công an cấp xã nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú về việc người đó không sinh sống ở nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú và không biết người đó đang ở đâu;

b) Thành viên gia đình theo quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình cung cấp thông tin cho cơ quan chức năng hiện không biết người đó hiện nay đang ở đâu và cơ quan Công an tra cứu thông tin được lưu trữ theo quy định của pháp luật nhưng cũng không xác định được người đó đang ở đâu;

c) Người không đăng ký thường trú hoặc tạm trú và thời gian sinh sống ở một nơi cố định dưới 30 ngày.

4. Việc xác minh nơi cư trú thực hiện theo quy định của pháp luật về cư trú.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi xác minh được nơi cư trú và hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, đối với đối tượng có nơi cư trú ổn định tại địa phương nơi họ thực hiện hành vi vi phạm, người có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị phải chuyển hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng vi phạm cư trú ổn định để xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi xác minh được nơi cư trú và hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, đối với đối tượng không cư trú tại địa phương nơi họ thực hiện hành vi vi phạm, thì người có thẩm quyền lập hồ sơ xử lý như sau:

a) Trưởng Công an cấp xã đã lập hồ sơ đối với đối tượng theo quy định, chuyển hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng vi phạm cư trú ổn định để xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

b) Cơ quan Công an cấp huyện, Công an cấp tỉnh đã lập hồ sơ đối với đối tượng theo quy định, chuyển hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng vi phạm cư trú ổn định để xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi thực hiện xong việc xác minh nơi cư trú và hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, đối với đối tượng không có nơi cư trú ổn định là người chưa thành niên, người từ đủ 18 tuổi trở lên, mà không xác minh được nơi cư trú, thì người có thẩm quyền lập hồ sơ xử lý như sau:

a) Đối với đối tượng là người chưa thành niên, Trưởng Công an cấp xã nơi đối tượng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh đang thụ lý vụ việc chuyển đối tượng và bản sao hồ sơ đến cơ sở bảo trợ xã hội theo danh mục do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định; đồng thời, chuyển hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cơ sở bảo trợ xã hội đó đóng trụ sở, để xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

b) Đối với đối tượng là người từ đủ 18 tuổi trở lên, Trưởng Công an cấp xã nơi đối tượng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh đang thụ lý vụ việc chuyển đối tượng và hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phát hiện đối tượng có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy lần cuối để xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

VI. XÉT NGHIỆM CHẤT MA TUÝ TRONG CƠ THỂ VÀ XÁC ĐỊNH TÌNH TRẠNG NGHIỆN

Điều 18 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP quy định về xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể và xác định tình trạng nghiện, như sau:

1. Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể và xác định tình trạng nghiện theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy đối với các đối tượng sau:

a) Người từ đủ 14 tuổi trở lên đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính và bị lập biên bản vi phạm hành chính tại lần vi phạm thứ ba trong thời hạn 06 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

b) Đối tượng đang trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

2. Trường hợp đối tượng nêu trên có kết quả xét nghiệm dương tính với chất ma túy trong cơ thể thì người có thẩm quyền hoặc người đề nghị xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể đối với người vi phạm gửi ngay kết quả đến Trưởng Công an cấp xã nơi người đó cư trú hoặc Trưởng Công an cấp xã nơi người đó thực hiện hành vi vi phạm để xem xét, lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

3. Trường hợp đối tượng nêu trên được xác định là nghiện ma túy thì thực hiện việc cai nghiện ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy.

4. Trường hợp đối tượng đang trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý mà được xác định là nghiện ma túy thì người có thẩm quyền xử lý như sau:

a) Người từ đủ 12 tuổi trở lên mà bị xác định là nghiện ma túy thuộc trường hợp quy định tại các Điều 30, 31 và 33 Luật Phòng, chống ma túy thì thực hiện việc cai nghiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy;

b) Người từ đủ 18 tuổi trở lên mà bị xác định là nghiện ma túy thuộc trường hợp quy định tại Điều 32 Luật Phòng, chống ma túy, thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

VII. HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP, hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm:

1. Văn bản đề nghị lập hồ sơ đề nghị.

2. Bản tóm tắt lý lịch của người vi phạm.

3. Văn bản, tài liệu: (1) Thông tin, tài liệu về hành vi vi phạm; (2) Tài liệu về việc xác định độ tuổi; (3) Tài liệu về việc xác minh nơi cư trú; (4) Tài liệu về kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể hoặc kết quả xác định tình trạng nghiện; (5) Thông tin về hoàn cảnh gia đình, quan hệ bạn bè và hoàn cảnh dẫn đến vi phạm; (6) Ý kiến nhận xét của nhà trường, cơ quan, tổ chức nơi người chưa thành niên đang học tập, làm việc (nếu có); (7) ý kiến của cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên, trừ trường hợp người chưa thành niên được chuyển đến cơ sở bảo trợ xã hội.

4. Bệnh án (nếu có).

5. Bản tường trình của người vi phạm *(Trường hợp người vi phạm không biết chữ hoặc không thể viết bản tường trình thì có thể nhờ người khác viết hộ, người vi phạm phải điểm chỉ vào từng trang của bản tường trình)*;

6. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

VIII. XỬ LÝ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao hồ sơ cho Trưởng Công an cùng cấp kiểm tra, bổ sung các thông tin, tài liệu theo quy định. Thời hạn kiểm tra, bổ sung các thông tin, tài liệu là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

IX. GỬI HỒ SƠ VÀ THÔNG BÁO VỀ VIỆC LẬP HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Điều 21 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP quy định về gửi hồ sơ và thông báo về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, như sau:

1. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ, người có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải thông báo ngay bằng văn bản về việc lập hồ sơ cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp hoặc cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên.

Người có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

2. Văn bản thông báo về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Họ, tên người vi phạm;

b) Lý do lập hồ sơ đề nghị;

c) Quyền đọc, ghi chép những nội dung cần thiết trong hồ sơ của người nhận được thông báo; địa điểm, thời hạn đọc, ghi chép;

d) Quyền phát biểu ý kiến về hồ sơ đề nghị tại cuộc họp tư vấn.

3. Việc đọc, ghi chép các nội dung cần thiết của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thực hiện theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc, ghi chép các nội dung cần thiết, tùy từng trường hợp cụ thể, người có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gửi hồ sơ đến một trong các chủ thể sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng cư trú;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở bảo trợ xã hội đóng trụ sở đối với đối tượng không có nơi cư trú ổn định;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phát hiện đối tượng là người từ đủ 18 tuổi trở lên có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy lần cuối đối với đối tượng không có nơi cư trú ổn định.

X. CUỘC HỌP TƯ VẤN, XEM XÉT QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Điều 22 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP quy định về cuộc họp tư vấn xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, như sau:

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức và chủ trì cuộc họp tư vấn để xem xét, quyết định áp dụng biện pháp.

2. Thành phần tham gia cuộc họp tư vấn gồm có:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Trưởng Công an cấp xã;

c) Công chức tư pháp - hộ tịch;

d) Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội cùng cấp có liên quan, đại diện dân cư ở cơ sở;

đ) Trường hợp người bị đề nghị áp dụng biện pháp là người chưa thành niên, thì ngoài những thành phần nêu trên phải có sự tham gia của công chức văn hóa - xã hội, cộng tác viên công tác xã hội hoặc cộng tác viên trẻ em (nếu có); đại diện nhà trường (nếu có); đối với người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định đang ở tại cơ sở bảo trợ xã hội, thì phải có đại diện của cơ sở đó;

e) Trường hợp cần thiết, có thể mời đại diện tổ hòa giải, cơ quan Công an nơi đã chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn tham dự.

3. Những người được mời tham dự cuộc họp tư vấn:

a) Người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

b) Cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên;

c) Người bị hại (nếu có);

d) Người đại diện hợp pháp tham gia bảo vệ quyền, lợi ích của đối tượng (nếu có).

4. Việc mời những người tham dự cuộc họp tư vấn được thể hiện bằng văn bản và phải được gửi trước khi tổ chức cuộc họp ít nhất là 03 ngày làm việc.

5. Những người được mời tham dự cuộc họp tư vấn phải được phát biểu ý kiến tại cuộc họp.

Trường hợp người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn không tham dự được, thì có thể gửi ý kiến bằng văn bản.

6. Hoãn cuộc họp tư vấn xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn trong trường hợp cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên không tham dự được mà có lý do chính đáng.

Cuộc họp tư vấn được hoãn không quá 02 lần, mỗi lần hoãn không quá 02 ngày làm việc, thời gian hoãn không tính vào thời gian xem xét, ra quyết định áp dụng biện pháp này.

Trường hợp cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên vẫn không thu xếp tham dự cuộc họp sau thời gian hoãn nêu trên do không có mặt tại địa phương, điều kiện sức khỏe hoặc lý do chính đáng khác thì phải có trách nhiệm cử người đại diện cho gia đình tham dự cuộc họp.

7. Cuộc họp tư vấn xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vẫn tiếp tục được tổ chức nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn cố tình trốn tránh không tham dự cuộc họp tư vấn;

b) Người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn không tham dự được cuộc họp tư vấn và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản;

c) Cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn không thể tham dự được cuộc họp tư vấn do có lý do chính đáng và đã hoãn 02 lần.

8. Cuộc họp tư vấn xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn chỉ được tổ chức khi có sự tham gia của ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên thuộc thành phần tham gia cuộc họp tư vấn.

9. Trình tự, nội dung của cuộc họp tư vấn:

a) Đại diện Công an cấp xã nêu hành vi vi phạm pháp luật của người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, kết quả xác minh, chứng cứ thu thập được, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng, biện pháp hòa giải, các biện pháp giúp đỡ, giáo dục đã áp dụng đối với người đó (nếu có);

b) Người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn trình bày lý do vi phạm pháp luật, nhận thức của mình về hành vi vi phạm và kế hoạch sửa chữa khuyết điểm; đưa ra các chứng cứ có liên quan.

Trường hợp họ vắng mặt và có ý kiến bằng văn bản, thì ý kiến của họ phải được đọc tại cuộc họp;

c) Cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên hoặc người đại diện hợp pháp của họ trình bày về nhân thân, hoàn cảnh gia đình, lý do vi phạm, trách nhiệm giáo dục, quản lý người chưa thành niên tại gia đình;

d) Người bị hại phát biểu ý kiến về thiệt hại của mình;

đ) Công chức văn hóa - xã hội hoặc cộng tác viên công tác xã hội, cộng tác viên công tác trẻ em (nếu có); đại diện nhà trường (nếu có) phát biểu ý kiến về nhân thân của người bị đề nghị giáo dục, hoàn cảnh gia đình, đề xuất biện pháp giáo dục, hỗ trợ phù hợp;

e) Các thành viên thảo luận về sự cần thiết áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng của đối tượng; các hình thức, biện pháp giáo dục; thời gian áp dụng biện pháp; lựa chọn cơ quan, tổ chức phù hợp để giao trách nhiệm giáo dục, quản lý đối tượng; khả năng áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình, các hình thức giáo dục, hỗ trợ đối với đối tượng là người chưa thành niên.

10. Nội dung cuộc họp phải được ghi thành biên bản và lưu vào hồ sơ.

XI. HOÀN THIỆN HỒ SƠ TRÌNH CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Điều 23 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP quy định về hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, như sau:

1. Căn cứ vào biên bản cuộc họp, Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ngay sau khi kết thúc cuộc họp tư vấn xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

2. Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định về việc áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm có:

a) Báo cáo tóm tắt về nội dung cuộc họp, trong đó đề xuất áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường thị trấn; lý do đề xuất; các ý kiến khác nhau của thành viên cuộc họp tư vấn (nếu có).

Trường hợp đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, ngoài những nội dung nêu trên, báo cáo tóm tắt phải đề xuất thời hạn áp dụng, cơ quan, tổ chức được giao giáo dục, quản lý đối tượng;

b) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

c) Biên bản cuộc họp tư vấn;

d) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

XII. RA QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP quy định về ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, như sau:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp tư vấn xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét ra một trong các quyết định sau đây:

(1) Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

(2) Quyết định không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

(3) Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình đối với người chưa thành niên.

XIII. QUYẾT ĐỊNH VÀ THỜI HIỆU THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Điều 26 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP quy định về quyết định và thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, như sau:

1. Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Họ, tên, chức vụ của người ra quyết định;

c) Họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của đối tượng được giáo dục;

d) Hành vi vi phạm pháp luật; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng;

đ) Tên và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức được giao giáo dục, quản lý.

Trường hợp đối tượng được giáo dục là người chưa thành niên, thì giao cho cha, mẹ hoặc người giám hộ để phối hợp giáo dục, quản lý.

Trường hợp đối tượng được giáo dục là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định, thì giao cho cơ sở bảo trợ xã hội để giáo dục, quản lý.

Trường hợp đối tượng được giáo dục là người từ đủ 18 tuổi trở lên có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy không có nơi cư trú ổn định, thì giao cho Công an cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức khác phù hợp tại địa phương để giáo dục, quản lý;

e) Thời hạn áp dụng biện pháp; ngày thi hành quyết định;

g) Quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ký, quyết định được gửi cho người được giáo dục, gia đình người được giáo dục, cơ quan, tổ chức được giao giáo dục, quản lý, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn là 06 tháng, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

XIV. QUYẾT ĐỊNH KHÔNG ÁP DỤNG BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Điều 27 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP quy định về quyết định không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, như sau:

1. Quyết định không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Họ, tên, chức vụ của người ra quyết định;

c) Họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

d) Hành vi vi phạm pháp luật của người đó; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng;

đ) Lý do không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

2. Quyết định không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có hiệu lực kể từ ngày ký.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có hiệu lực, quyết định được gửi cho người không bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và gửi cho cá nhân, tổ chức có liên quan.

Đối với người chưa thành niên đang ở tại cơ sở bảo trợ xã hội, quyết định được gửi đến cơ sở bảo trợ xã hội và cơ quan đã gửi hồ sơ./.